

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
CHI CỤC THUẾ KV TRIỆU HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2490/CCTKV-NVQLT
V/v phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn
kê khai tổng hợp thuế sử dụng đất PNN

Thị xã Quảng Trị, ngày 20 tháng 10 năm 2023

Kính gửi:

- Trung tâm VH TT-TD TT Thị xã Quảng Trị;
- Phòng Văn hóa Thông tin huyện Triệu Phong;
- Phòng Văn hóa Thông tin huyện Hải Lăng;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDDPNN), Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/07/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về Thuế SDDPNN;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý Thuế của Chính phủ, Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP,

Theo đó, trường hợp người có nhiều thửa đất trong cùng một tỉnh mà có một hoặc nhiều thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất hoặc không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất chịu thuế vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế phải thực hiện kê khai Tờ khai tổng hợp nộp tại Chi cục Thuế nơi người nộp thuế chọn để làm thủ tục kê khai tổng hợp, đồng thời nộp thuế chênh lệch phát sinh trên Tờ khai tổng hợp vào NSNN đúng thời hạn quy định.

Để đảm bảo thực thi đúng quy định của pháp luật thuế, chống thất thu thuế đối với thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của người có từ 2 thửa đất trở lên, Chi cục Thuế khu vực Triệu Hải kính đề nghị Trung tâm VH TT-TD TT thị xã Quảng Trị, Phòng Văn hóa Thông tin huyện Triệu Phong và Hải Lăng phối hợp tuyên truyền hướng dẫn về kê khai, nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở để người nộp thuế được biết, thực hiện theo đúng quy định.

(Nội dung tuyên truyền đính kèm)

Vậy, Chi cục Thuế khu vực Triệu Hải rất mong được sự phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCD CTT, XL nợ đọng thuế
- TXQT, TPH, HL;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Đội Thuế Số 01; Số 02, Số 03;
- Lưu: VT, NVQLT. (11b)



Nguyễn Thanh Dũng

NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN), Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/07/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về Thuế SDĐPNN;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý Thuế của Chính phủ, Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP,

Chi cục Thuế khu vực Triệu Hải thông báo việc kê khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với người có 2 thửa đất trở lên như sau:

1. Trường hợp kê khai tổng hợp:

Theo quy định tại tiết a, điểm 2.2, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về Thuế SDĐPNN quy định các trường hợp phải kê khai tổng hợp:

“... ”

a2) Trường hợp NNT có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các quận, huyện khác nhau nhưng không có thửa đất nào vượt hạn mức và tổng diện tích các thửa đất chịu thuế không vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì NNT phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại UBND cấp xã nơi có đất chịu thuế và không phải lập tờ khai tổng hợp thuế.

a3) Trường hợp NNT có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các quận, huyện và không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất chịu thuế vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất: NNT phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại UBND cấp xã nơi có đất chịu thuế và lập tờ khai tổng hợp thuế nộp tại Chi cục Thuế nơi NNT chọn để làm thủ tục kê khai tổng hợp.

a4) Trường hợp NNT có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các quận, huyện khác nhau và chỉ có một (01) thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì NNT phải thực hiện lập tờ khai thuế cho từng thửa đất, nộp tại UBND cấp xã nơi có đất chịu thuế và phải lập tờ khai tổng hợp tại Chi cục Thuế nơi có thửa đất ở vượt hạn mức.”

2. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế:

Theo quy định tại tiết a.2, điểm a, Khoản 7, Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý Thuế của Chính phủ hướng dẫn địa điểm nộp hồ sơ khai thuế như sau:

“... ”

a.2) Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ khai thuế tổng hợp tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế kê khai tổng hợp theo quy định sau:

Trường hợp không có thửa đất nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích các thửa đất chịu thuế vượt quá hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất: Người nộp thuế được lựa chọn nộp hồ sơ khai thuế đến cơ quan thuế bất kỳ trên địa bàn nơi có thửa đất.

Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các quận, huyện trong cùng một tỉnh và chỉ có 01 thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì nộp hồ sơ khai tổng hợp đến cơ quan thuế tại địa bàn quận, huyện nơi có thửa đất ở vượt hạn mức.

Trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng đất đối với nhiều thửa đất ở tại các quận, huyện và có nhiều thửa đất vượt hạn mức đất ở nơi có quyền sử dụng đất thì người nộp thuế được lựa chọn nộp hồ sơ khai tổng hợp đến cơ quan thuế nơi có thửa đất chịu thuế vượt hạn mức.

...”

3. Thời hạn nộp Tờ khai tổng hợp và nộp thuế chênh lệch phát sinh:
Chậm nhất là ngày 31/3 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Riêng năm 2022, người nộp thuế chưa nộp Tờ khai tổng hợp thì thực hiện chậm nhất đến ngày 31/10/2023.

4. Hồ sơ khai tổng hợp:

- Tờ khai tổng hợp thuế SDDPNN mẫu 03/TKTH-SDDPNN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 (Có mẫu đính kèm)
- Bản sao các giấy tờ liên quan đến các thửa đất chịu thuế: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.
- Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện được miễn, giảm (nếu có).

5. Thuế suất:

- Đối với phần diện tích đất ở trong hạn mức: Thuế suất 0,03%
- Đối với phần diện tích đất ở vượt không quá 3 lần hạn mức: Thuế suất 0,07%
- Đối với phần diện tích đất ở vượt trên 3 lần hạn mức: Thuế suất 0,15%